

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHƯỚC LONG  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13/4/2022

*Về việc tranh chấp ly hôn*

*và nuôi con khi ly hôn*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phan Thị Đang**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**Ông Trần Văn Phước**

**Bà Nguyễn Hồng Lành**

***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà **Lý Thị Nhiên** – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 25/2022/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2022, về việc: "***Tranh chấp ly hôn và nuôi con***" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022, giữa:

*Nguyên đơn:* Anh **Lê V Đ** – sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp B, xã PX, huyện P, tỉnh B (Vắng mặt).

*Bị đơn:* Chị **Nguyễn Th L** – sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp a, xã X, tỉnh T (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 11 năm 2021 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Đ trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị L tự nguyện sống chung vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được Ủy ban nhân dân xã X cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Do trong thời gian sống chung vợ chồng không có mâu thuẫn gì, nhưng chị L tự ý bỏ về nhà cha, mẹ ruột ở hơn 02 năm. Nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau, nên anh Đ yêu cầu ly hôn chị L.

- Về con chung: Anh Đ và chị L có 01 con chung tên Lê Th Nh H, sinh ngày 22 tháng 9 năm 2016, con đang sống chung chị L. Anh Đ đồng ý giao con chung cho chị L nuôi, anh Đ không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đ xác định anh và chị L không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Lời trình bày của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn:* Chị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng đều vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do; Chị L không có đơn đề nghị vắng mặt, cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của anh Đ.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Từ khi tham gia tố tụng đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn Nguyễn Th L chưa chấp hành đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Cho anh Lê V Đ ly hôn chị Nguyễn Th L; Giao con chung là Lê Th Nh H, sinh ngày 22 tháng 9 năm 2016 cho chị L trực tiếp nuôi; Tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét giải quyết; Anh Đ phải chịu án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên; Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khi anh Đ yêu cầu ly hôn chị L, chị L có nơi cư trú tại xã X, huyện H; Nên Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ và chị L là phù hợp quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

- Anh Đ xác định anh và chị L tự nguyện sống chung từ năm 2014 có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được Ủy ban nhân dân xã X cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Do đời sống chung vợ chồng không có mâu thuẫn, nhưng chị L lại đã bỏ về nhà cha, mẹ ruột của chị L ở mà không có lý do gì khoảng 2 năm; Từ đó không ai tới lui thăm nom nhau cho đến nay, anh Đ không muốn tiếp tục cuộc hôn nhân này nên anh Đ yêu cầu ly hôn chị L.

- Về phía chị L: Ngay từ khi thụ lý vụ án này, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý và có văn bản triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định pháp luật, chị L đã biết được yêu cầu ly hôn và giao con chung của anh Đ tại Tòa án đối với chị, nhưng chị không đến Tòa án và cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến của chị L đối với ý kiến trình bày và yêu cầu của anh Đ đối với chị L. Điều này chứng tỏ chị L đã không còn yêu thương anh Đ, không mong muốn cuộc sống chung với anh Đ và đã bỏ mặc cuộc hôn nhân của chị và anh Đ, không mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân với anh Đ.

- Từ việc anh Đ trình bày về thời gian anh Đ và chị L không sống chung khoảng 2 năm, đến việc trong thời gian dài này anh Đ và chị L không tới lui thăm nom nhau, còn chị L thì được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án, cũng không có văn bản trình bày ý kiến nộp cho Tòa án, cho thấy hôn nhân của anh Đ và chị L đang lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 19 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đ đối với chị L, anh Đ được ly hôn với chị L.

#### [4] Về con chung:

- Về quyền trực tiếp nuôi con: Trong thời kỳ hôn nhân anh Đ và chị L có 01 con chung là Lê Th Nh H, sinh ngày 22 tháng 9 năm 2016. Cháu H trên 36 tháng tuổi và có cuộc sống chung với chị L, anh Đ tự nguyện giao con chung cho chị L nuôi, còn chị L thì đã biết được việc anh Đ giao con cho chị nuôi, nhưng chị L không có ý kiến gì về con chung. Do cháu H đã có cuộc sống chung ổn định với chị L, anh Đ cũng tự nguyện giao con chung cho chị L nuôi. Do đó, để đảm bảo cuộc sống của các cháu H được ổn định, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 và khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu H cho chị L trực tiếp nuôi khi ly hôn; Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do chị L không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, anh Đ cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản và nợ chung: Anh Lê V Đ xác định anh và chị L không có tài sản chung, không có nợ chung; Chị L không có yêu cầu về tài sản chung và nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp như Hội đồng xét xử phân tích nêu trên, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

#### [7] Về án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm:

- Buộc anh Lê V Đ chịu án phí số tiền 300.000đ, anh Đ đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ, chuyển sang thu án phí.
  - Chị Nguyễn Th L không phải chịu án phí.
- Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 5, 28, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 244, 271, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 9, 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh Lê V Đ đối với chị Nguyễn Th L.

1. Về hôn nhân: Anh Lê V Đ được ly hôn chị Nguyễn Th L.
2. Về con chung:
  - Về quyền trực tiếp nuôi con: Giao con chung là Lê Th Nh H, sinh ngày 22 tháng 9 năm 2016 cho chị L trực tiếp nuôi; Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.
  - Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Th L không yêu cầu anh Lê V Đ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.
4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:
  - Buộc anh Lê V Đ phải chịu án phí số tiền 300.000đ, anh Đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0004960 ngày 12 tháng 01 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long số tiền 300.000đ, chuyển thu án phí số tiền 300.000đ.
  - Chị Nguyễn Th L không phải chịu án phí.
5. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.
6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo

Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Phan Thị Đang**